TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 686/2024/HC-PT
Ngày: 30/12/2024
V/v : Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Phùng Hải Hiệp.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Vũ Thị Thuý - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 285/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" của UBND. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14168/2024/QĐPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Chị Phùng Thị H, sinh năm 1989 *(có mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị B, sinh năm 1964 *(có mặt)*.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N_2, tỉnh T_1; địa chỉ: Thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Viết H_1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện N_3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Quý Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện N_4, tỉnh T_1 *(có mặt)*.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N_5, tỉnh T_1; địa chỉ: Thị trấn N, huyện

N_1, tỉnh T_1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T_2, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N_6, tỉnh T_1 *(có mặt).*

2. Ông Đinh Văn S (Đinh Ngọc S_1), sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 *(vắng mặt).*

Người kháng cáo: Người khởi kiện là chị Phùng Thị H (Do người đại diện theo ủy quyền kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện chị Phùng Thị H, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Đinh Thị B (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Năm 2008 (không nhớ thời gian ngày tháng cụ thể), bà Đinh Thị B cùng chị Phùng Thị H và chị Phùng Thị Thu H_2 (là con gái bà B) đến Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) thị trấn N_7, tỉnh T_1 để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Khi cán bộ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì diện tích đất tại vị trí bà B cho chị H và chị H_2 chưa được đo đạc, bà B chỉ lấy cọc đóng cho mỗi người một ô. Sau khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bà B cùng chị H, chị H_2 đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N_8 nộp hồ sơ, làm thủ tục đề nghị đo đạc, chia tách. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã nhận hồ sơ, nhưng không có cán bộ đến đo đạc, chia tách đất cho chị H, chị H_2. Sau đó bà B đã xây cho chị H phần móng nhà (nhà chưa xây dựng) trên phần đất bà B cho chị H.

Năm 2012, bà B và chị H_2 phát sinh mâu thuẫn, chị H_2 đã gửi đơn kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đến Tòa án nhân dân huyện Na Hang. Khi giải quyết tranh chấp, Tòa án nhân dân huyện N_9 phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn tiến hành đo đạc, thẩm định vị trí tranh chấp thì đã đo cả phần đất bà B đã tặng cho chị H. Tại Bản án số 02/2012/DS-ST ngày 24/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện N_9 đã tạm giao toàn bộ diện tích 943,1m^2 cho bà B quản lý và sử dụng (trong đó có cả vị trí mảnh đất mà bà B đã tặng cho chị H).

Ngày 07/01/2013 và ngày 23/9/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N_8, UBND thị trấn N_7 đã đến làm việc trực tiếp với bà B, có biên bản đo đạc thống nhất diện tích, vị trí thửa đất bà B tặng cho chị H, đồng thời hướng dẫn bà B kê khai giúp chị H (vì chị H không biết viết) để thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12/5/2015, chị H nhận được Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND huyện N_2 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ chị Phùng Thị H tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, đồng thời được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 956894 cấp cho hộ chị Phùng Thị H ngày

12/5/2015.

Ngày 14/7/2023, UBND huyện N_2 đã ban hành Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N_5 về việc công khai kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 (đợt 4) kèm theo Biểu công khai khối lượng kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ trong đó nêu diện tích đất của chị H bị thu hồi, lý do: Nguồn gốc đất và giấy tờ về đất thuộc phạm vi thu hồi đường ĐT 176, tại Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/5/2002 của UBND tỉnh T_3, diện tích đất của chị H đã bị thu hồi cho công trình nâng cấp Quốc lộ 2C.

Năm 2002, chị H chưa được bà B tặng cho quyền sử dụng đất, chị không có tên trong danh sách các hộ bị thu hồi đất theo Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/5/2002 của UBND tỉnh T_3, cũng không được nhận tiền bồi thường.

Do vậy, chị H khởi kiện, đề nghị Tòa án: Tuyên hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện N_2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Phùng Thị H (Sau đây viết tắt là Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024); tuyên hủy Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N_5 về việc công khai kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 (đợt 4) kèm theo Biểu công khai khối lượng kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ (Sau đây viết tắt là Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023); yêu cầu Hội đồng bồi thường dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C tỉnh T_4 bồi thường diện tích đất 29m^2 tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 đã thu hồi làm đường theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - UBND huyện N_2, tỉnh T_1 trình bày:

Về quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Phùng Thị H: Về nguồn gốc thửa đất của chị Phùng Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là được bà Đinh Thị B tặng cho theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND thị trấn N_7 chứng thực ngày 04/8/2008 (thời điểm lập hợp đồng tặng cho bà Đinh Thị B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích tặng cho là 120m^2, số tờ bản đồ 9, thửa số 31, thuộc bản đồ giải thửa 299.

Ngày 18/12/2014, chị Phùng Thị H có tờ kê khai đăng ký đất đai, trong đó có đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 84 (tách từ thửa 31) tờ bản đồ số 9, diện tích 320,4 m^2 đất làm nhà ở (đất ở tại đô thị). Kèm theo tờ kê khai có hình vẽ (sơ đồ) được ông Trần Song H_3 - Tổ trưởng tổ cấp giấy (Tổ trưởng tổ dân phố) và chị Phùng Thị H (chủ sử dụng đất) ký xác nhận. Ngày 27/12/2014, UBND thị trấn N_7 ký xác nhận với nội dung: Kê khai đúng so với hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất nhận tặng cho, thời điểm sử dụng đất năm 1963, phù hợp với quy hoạch, loại đường II vị trí I, đủ điều kiện cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất và được Công chức địa chính và Chủ tịch UBND thị trấn xác nhận. Ngày 30/12/2014, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N_{10} xác nhận thửa đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013 và không phải nộp tiền sử dụng đất. Ngày 13/4/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 34/TTr-TNMT về việc cấp đất ở tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1 cho hộ chị Phùng Thị H. Ngày 12/5/2015, UBND huyện N_2 ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ chị Phùng Thị H tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1.

Như vậy, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Phùng Thị H được thực hiện theo Hướng dẫn số 206/HD-TNMT ngày 28/3/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T_5 về việc kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh T_1, tại phần B, mục II *"Trình tự tổ chức kê khai đăng ký đất đai đồng loạt"*.

Trong quá trình thu thập tài liệu, rà soát nguồn gốc sử dụng đất để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 - Km247+100, tỉnh T_1; các cơ quan chuyên môn của huyện phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện N_2 cấp cho chị Phùng Thị H có sai sót, do đó Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có đề xuất tại Báo cáo số 05/BC-TNMT ngày 16/01/2024 về việc đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện N_2 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành phôi Giấy chứng nhận BR 956894, số vào sổ CH 06954, cấp ngày 12/5/2015, mang tên chị Phùng Thị H, thường trú tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện N_2 với lý do:

Một là, nguồn gốc kê khai không đúng với quá trình sử dụng đất. Tại hồ sơ kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận, chị Phùng Thị H khai diện tích đất được mẹ đẻ là bà Đinh Thị B cho tặng năm 2008. Đất có trong bản đồ giải thửa 299 thuộc thửa số 31, diện tích 2.675m^2 mang tên bà Đinh Thị B, được bố mẹ khai phá từ năm 1962 chia cho bà năm 1982. Tuy nhiên, năm 1995 bà Đinh Thị B đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn S. Trong hồ sơ kiểm kê thu hồi công trình Đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km79+615 Cầu N_{11} đến Hạt Quản lý giao thông N_{12} năm 2002, ông Đinh Văn S (Đinh Ngọc S_1) kê khai nguồn gốc sử dụng đất là do bố mẹ khai phá để lại cho con từ năm 1968. Sau đó, ông Đinh Văn S sử dụng đến năm 2004 thì chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị B (không có giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Hai là, diện tích đất chị Phùng Thị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 29,0m^2 cấp chồng lấn lên diện tích đất đã được UBND tỉnh T_3 thu hồi tại Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/5/2002 để xây dựng và nâng cấp đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km79+615 (Cầu N_{11} đến Hạt Giao thông

N_{12}, tại thửa đất số 4, tờ Bản đồ thu hồi số 5, diện tích 350m^2 đất vườn liền kề mang tên ông Đinh Văn S). Mặt khác, diện tích đất ở cấp không đúng với diện tích đất ở trong hợp đồng cho tặng, cụ thể: diện tích ghi trong hợp đồng cho tặng là 120m^2; diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 956894, số vào sổ CH 06954, cấp ngày 12/5/2015, mang tên chị Phùng Thị H là 320,4m^2; chênh lệch 200,4m^2. Nguyên nhân chủ yếu là hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ chị Phùng Thị H thực hiện do hộ gia đình tự kê khai, tự đo vẽ xác định ranh giới thửa đất theo Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 14/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy T_6; Hướng dẫn số 206/HD-TNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Từ những nội dung nêu trên, UBND huyện N_2 đã áp dụng việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 là một nội dung thuộc trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất được quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh T_3. Việc thông báo cho gia đình được thực hiện sau khi Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km 247+100 tỉnh T_7 họp xét (họp vào ngày 16/6/2023).

Diện tích 29,0m^2 mà chị Phùng Thị H đề nghị đền bù đã được UBND tỉnh T_3 thu hồi tại Quyết định số 129/2002/QĐ- UB ngày 16/5/2002 để xây dựng và nâng cấp đường ĐT 176 đoạn từ Km75 –Km79+615 (Cầu N_{11} đến Hạt Giao thông N_{12}) và được bồi thường đầy đủ theo quy định năm 2002 mang tên ông Đinh Văn S. Ông S đã nhận đầy đủ tiền bồi thường hỗ trợ theo quy định. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 đã họp xét, kết luận: Không bồi thường về đất theo Điều 82 Luật Đất đai 2013; không bồi thường về tài sản trên đất theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013.

Từ các phân tích trên, UBND huyện N_2, tỉnh T_1 thấy rằng việc chị Phùng Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024, tuyên hủy Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023, yêu cầu Hội đồng bồi thường dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 bồi thường diện tích 29,0m^2 tại tổ dân phố 13, thị trấn N theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 là không có cơ sở xem xét giải quyết và đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N_5 trình bày:

Đối với Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất không được giao trách nhiệm thực hiện nội dung này. Đối với Thông báo số

03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 là một nội dung thuộc trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất được quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh T_3. Việc thông báo cho gia đình được thực hiện sau khi Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện họp xét (họp vào ngày 16/6/2023) là để các hộ có tài sản thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng nắm bắt chấp hành. Do đó, nội dung chị Phùng Thị H yêu cầu hủy Thông báo này là không có cơ sở xem xét.

Về nội dung yêu cầu Hội đồng bồi thường dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 bồi thường diện tích 29,0m^2 tại tổ dân phố 13, thị trấn N theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai năm 2013: Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án căn cứ nguồn gốc sử dụng đất (Đất thuộc phạm vi thu hồi xây dựng công trình nâng cấp đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km79+615 tại Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/5/2002 của UBND tỉnh T_3 mang tên ông Đinh Văn S, ông S đã nhận đầy đủ tiền bồi thường hỗ trợ theo quy định) đã họp xét, kết luận: Không bồi thường về đất theo Điều 82 Luật Đất đai 2013; không bồi thường về tài sản trên đất theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013. Do đó, nội dung khởi kiện của chị Phùng Thị H không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn S (Đinh Ngọc S_1) trình bày:

Tên trong căn cước công dân của ông là Đinh Ngọc S_1, tuy nhiên trong một số giấy tờ của ông có tên Đinh Văn S nên ông xác định Đinh Ngọc S_1 và Đinh Văn S là một người. Quan hệ của ông với chị Phùng Thị H, sinh năm 1989 là quan hệ cậu cháu (con của chị gái ông là bà Đinh Thị B). Bà Đinh Thị B, sinh năm 1964 là chị gái ruột cùng cha khác mẹ của ông.

Về nguồn gốc diện tích đất 836m^2 thuộc đất khu đô thị gồm các thửa theo bản đồ thu hồi đất: Thửa số 1 tờ số 5 là 276m^2, thửa 3 tờ số 5 là 210m^2, thửa 4 tờ 5 là 350m2, địa chỉ tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 mà UBND tỉnh T_3 đã thu hồi và giao đất để xây dựng nâng cấp đường ĐT 176, đoạn từ Km75 – Km79+615 (Cầu N_{11} đến Hạt giao thông N_{12}) huyện N_1 (đợt 1) năm 2002 là do ông nhận chuyển nhượng từ bà Đinh Thị B (có giấy tờ viết tay ngày 15/8/1995). Cụ thể, vào năm 1995 ông nhận chuyển nhượng đất từ bà Đinh Thị B đối với thửa đất tại tổ 13, thị trấn N, huyện N_1 với diện tích khoảng hơn 2000m^2 với số tiền 700.000 đồng, việc chuyển nhượng có lập giấy tờ viết tay. UBND tỉnh đã thu hồi toàn bộ diện tích là 836m^2 của gia đình ông, ông đã nhận được tiền đền bù với số tiền là 7.828.100 đồng, trong đó tiền bồi thường về đất là 1.835.400 đồng. Đến khoảng năm 2005, ông cho lại bà Đinh Thị B quyền sử dụng đất không lấy tiền và ông giữ lại một phần để sử dụng. Việc tặng cho này không được lập thành văn bản và có vợ ông (Chẩu Thị X) là người chứng kiến, diện tích đất ông tặng cho bà B nằm ở vị trí hiện nay bà B sử dụng, không bao gồm diện tích đất của ông đã bị Nhà nước thu hồi. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H, ông không có yêu cầu độc lập gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm

2024 của Toà án nhân dân tỉnh T bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H về việc:

- Tuyên hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện N_2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Phùng Thị H, trú tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1.

- Tuyên hủy Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N_5 về việc công khai kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 (đợt 4) kèm theo Biểu công khai khối lượng kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ.

- Yêu cầu Hội đồng bồi thường dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C tỉnh T_4 bồi thường diện tích đất 29m^2 tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 đã thu hồi làm đường theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Đinh Thị B kháng cáo bản án đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm người khởi kiện chị Phùng Thị H, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Đinh Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; người bị kiện là UBND huyện N_2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N_5 giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo của người kháng cáo làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện là chị Phùng Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội

đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/4/2024 người khởi kiện chị Phùng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện N_2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Phùng Thị H; tuyên hủy Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N_5 về việc công khai kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 (đợt 4) kèm theo Biểu công khai khối lượng kết quả họp xét bồi thường, hỗ trợ; yêu cầu Hội đồng bồi thường dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C tỉnh T_4 bồi thường diện tích đất 29m^2 tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 đã thu hồi làm đường theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Đây là các quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 14 Điều 22 Luật Đất đai 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Việc khởi kiện của chị Phùng Thị H còn trong thời hiệu. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Ngày 09/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Đinh Thị B kháng cáo đúng quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn S. Hội đồng xét xử nhận thấy phiên tòa đã được triệu tập lần thứ hai, ông S vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sau khi xét xử sơ thẩm ông S không có kháng cáo. Sự vắng mặt của ông S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

[4]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024.

[4.1]. Về nguồn gốc đất: Theo người khởi kiện chị Phùng Thị H kê khai diện tích diện tích là 120 m^2, tờ bản đồ số 9, thửa số 31, thuộc bản đồ giải thửa 299 được mẹ đẻ là bà Đinh Thị B tặng cho có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND thị trấn N_7 chứng thực ngày 04/8/2008 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B thừa nhận tứ cận của thửa đất không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 07/01/2013, 23/9/2014 sau khi đo đạc thực tế số diện tích tăng lên là 320,4 m^2, bà B tự nguyện, đồng ý tặng cho chị H diện tích đất là 320,4m^2 nhưng chưa đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm thủ tục tặng cho đối với diện tích đất tăng thêm và xác định cụ thể tứ cận của mảnh đất. Nhưng UBND huyện N_2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị

Phùng Thị H với diện tích đất là 320,4m^2 là đúng theo nguyện vọng của bà Đinh Thị B.

[4.2]. Nguồn gốc diện tích đất bà B tặng cho chị Phùng Thị H là của bà Đinh Thị B, được bố mẹ khai phá từ năm 1962 chia cho bà năm 1982. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông S thừa nhận vào năm 1995 bà Đinh Thị B có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông tại giấy viết tay ngày 15/8/1995. Trong quá trình sử dụng đất ông S không đi đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2002 thu hồi đất để thực hiện dự án công trình nâng cấp Đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km 79+615 Cầu N_{11} đến Hạt Quản lý giao thông N_{12}, ông Đinh Văn S là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và có Tờ khai về sử dụng đất và tài sản ngày 07/6/2002 theo yêu cầu của Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng, nguyên Tổ trưởng tổ 13 ông Nguyễn Tiến S_2 đã xác nhận: "*... tại thời điểm thực hiện dự án nâng cấp đường ĐT 176 ông S là người trực tiếp sử dụng thửa đất, bà B không sử dụng diện tích nào...*", ông S là người tham gia cùng Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng lập và ký vào Biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất thu hồi ngày 07/6/2002 (Bút lục 61). Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án căn cứ nguồn gốc sử dụng đất, đất thuộc phạm vi thu hồi xây dựng công trình nâng cấp đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km79+615 tại Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/5/2002 của UBND tỉnh T_3 mang tên ông Đinh Văn S, ông S đã nhận đủ số tiền đền bù và không có ý kiến thắc mắc. Sau đó, ông Đinh Văn S sử dụng đến khoảng năm 2004, 2005 thì ông cho lại quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị B số diện tích còn lại sau khi bị thu hồi (không có giấy tờ về việc tặng cho quyền sử dụng đất). Ngày 21/8/2024, UBND thị trấn N_7 đã xác nhận công dân Đinh Ngọc S_1 và Đinh Văn S là một người. Tại phiên tòa, bà B không thừa nhận việc bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn S tại giấy viết tay ngày 15/8/1995. Tuy nhân, tại Đơn khiếu nại của bà B ngày 16/6/2023, bà B khẳng định: "... 5, *Một số đất của ông Đinh Ngọc S_1 vì: Tôi có thửa đất (Thửa 31, tờ bản đồ số 9, bản đồ giải thửa 299) mang tên tôi, trước năm 2000 tôi đã chuyển nhượng cho em trai tôi là Đinh Ngọc S_1 - năm 2002 sau khi thu hồi đất làm đường nâng cấp để làm đường vào hồ Thủy điện - em tôi đã cho tôi diện tích (Thửa 31, tờ bản đồ số 9, bản đồ giải thửa 299)...*"

[4.3]. Trong quá trình thu thập tài liệu, rà soát nguồn gốc sử dụng đất để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km 217+150 – Km 247+100, tỉnh T_1; các cơ quan chuyên môn của huyện phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện N_2 cấp cho chị Phùng Thị H có sai sót, do đó ngày 23/12/2023 UBND huyện N_2 ban hành Quyết định số 660/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp bị chồng lấn với diện tích đất trước đây đã thu hồi thực hiện dự án Nâng cấp đường ĐT176 trên địa bàn huyện N_1. Sau đó Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có đề xuất tại Báo cáo số 05/BC-TNMT ngày 16/01/2024 về việc đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong báo cáo có nêu: *"... Diện tích đất gia đình bà Phùng Thị H, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng lấn lên diện tích đã thu hồi*

công trình Nâng cấp đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km79+615 (Cầu N_{11} đến Hạt Quản lý giao thông N_{12}) tại thửa đất số 4, tờ BĐTH số 5, diện tích 350m^2 đất vườn liền kề mang tên ông Đinh Văn S, với diện tích 29,0m^2;...". Diện tích 29,0m^2 trước đây đã thu hồi thực hiện dự án Nâng cấp đường ĐT 176 nhưng Giấy chứng nhận cấp cả phần đất đã thu hồi đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km 79+615 Cầu N_{11} đến Hạt quản lý giao thông N_{12}. Sau đó, UBND huyện N_2 đã ra Thông báo số 11/TB-UBND ngày 19/02/2024 thông báo về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Phùng Thị H, UBND đã tiến hành niên yết công khai Thông báo số 11/TB-UBND ngày 19/02/2024, ngày 22/3/2024, UBND huyện N_2 ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Phùng Thị H, trú tại tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N_1, tỉnh T_1 để cấp lại trừ đi 29,0 m^2 đã thu hồi thực hiện dự án nâng cấp đường ĐT 176 với lý do thu hồi: Nguồn gốc sử dụng đất và diện tích không đúng (Giấy chứng nhận cấp cả phần đất đã thu hồi đường ĐT 176 đoạn từ Km75 – Km 79+615 Cầu N_{11} đến Hạt quản lý giao thông N_{12}).

[4.4]. Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện cũng thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Phùng Thị H có sai sót nên phải thu hồi. Sau khi thu hồi, bà H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 ban hành đã đúng về hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[5]. Đối với Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N_5 tỉnh T_1: Đây là một nội dung thuộc trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất được quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh T_3. Việc thông báo cho gia đình được thực hiện sau khi Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện họp xét (họp vào ngày 16/6/2023) là để các hộ có tài sản thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng nắm bắt chấp hành. Mặc dù, Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 có thể hiện kiểm kê về diện tích 29,0m^2 nhưng diện tích này đã được thu hồi theo Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/5/2002 của UBND tỉnh T_3 nên không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của chị Phùng Thị H tại thời điểm thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 2C. Do vậy, Thông báo số 03/TB-TTPTQĐ ngày 14/7/2023 nêu trên không có nội dung làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của chị Phùng Thị H, không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[6]. Về nội dung yêu cầu Hội đồng bồi thường dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km217+150 – Km247+100, tỉnh T_7 bồi thường diện tích 29,0m^2 tại tổ dân phố 13, thị trấn N theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai năm 2013: Hội đồng xét xử thấy, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án căn cứ nguồn

gốc sử dụng đất, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông S đã nhận đầy đủ tiền bồi thường hỗ trợ theo quy định. Do đó, yêu cầu này của chị H là không có căn cứ.

[7]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H là có cơ sở.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị H và bà B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Do vậy, đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở nên không được chấp nhận; đề nghị của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là bác kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên chị Phùng Thị H là người khuyết tật nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện chị Phùng Thị H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh T.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho chị Phùng Thị H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- UBND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn